

CONSUMPTION LINKS OF CINNAMON PRODUCTS IN THAI NGUYEN PROVINCE

Doan Thi Thanh Hien

TNU - University of Agriculture and Forestry

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	30/11/2022	This study was conducted to determine the consumption links of cinnamon products in Thai Nguyen province. Survey results from 160 cinnamon-growing households and cinnamon-collecting and processing enterprises and consumers in Thai Nguyen province have shown that cinnamon production was gradually developing and contributed to creating jobs and raising incomes for people. Descriptive and comparative statistical methods are mainly used in research to analyze data. The interaction among participants in the chain of consuming cinnamon products was still loose; Thai Nguyen province's cinnamon tree had not yet created a brand name in the market. 46.3% cinnamon products were exported to foreign markets; the remaining 53.7% of cinnamon products were consumed domestically. The study has recommended a number of key solutions for promoting science and technology propaganda and training, promoting linkages, forming cooperative groups for collection and processing, positioning markets and products, building brand for the product, in order to promote the chain of consumption of cinnamon products in Thai Nguyen province.
Revised:	22/12/2022	
Published:	22/12/2022	
KEYWORDS		
Links		
Product consumption		
Market		
Cinnamon		
Thai Nguyen province		

LIÊN KẾT TIÊU THỤ SẢN PHẨM QUẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Đoàn Thị Thanh Hiền

Trường Đại học Nông Lâm – ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 30/11/2022	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định được mối liên kết tiêu thụ sản phẩm quế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Kết quả điều tra từ 160 hộ trồng quế và các cơ sở thu gom, doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ quế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã chỉ ra sản xuất quế đang từng bước phát triển và góp phần giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho người dân. Phương pháp thống kê mô tả và so sánh được sử dụng chủ yếu trong nghiên cứu để phân tích số liệu. Sự tương tác giữa các tác nhân tham gia chuỗi liên kết tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế còn lỏng lẻo, cây quế của tỉnh Thái Nguyên vẫn chưa tạo được thương hiệu trên thị trường. Tổng bình quân có 46,3% các sản phẩm từ quế được xuất khẩu sang thị trường nước ngoài, còn lại 53,7% các sản phẩm từ quế được tiêu thụ trong nước. Nghiên cứu đã khuyến nghị một số giải pháp chính về đẩy mạnh tuyên truyền, tập huấn khoa học công nghệ, thúc đẩy liên kết, hình thành các tổ hợp tác thu gom, chế biến, định vị thị trường và sản phẩm, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm, nhằm đẩy mạnh chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm quế tỉnh Thái Nguyên.
Ngày hoàn thiện: 22/12/2022	
Ngày đăng: 22/12/2022	
TỪ KHÓA	
Liên kết	
Tiêu thụ sản phẩm	
Thị trường	
Quế	
Tỉnh Thái Nguyên	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.7004>

Email: Doanthithanhvien@tuaf.edu.vn

1. Giới thiệu

Quế là một trong những cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều ở nước ta và là loài cây bản địa có nhiều công dụng, vỏ và cành lá tươi chế biến làm dược liệu, gỗ cây quế được sử dụng làm đồ mộc, xây dựng... Với giá trị kinh tế cao, dễ trồng và chu kỳ kinh doanh không quá dài như một số loài cây gỗ khác. Cây quế có thể tổ chức sản xuất thành ngành hàng lớn, ổn định lâu dài và có giá trị, nhất là giá trị xuất khẩu.

Tỉnh Thái Nguyên có quỹ đất thích nghi khá lớn để hình thành những vùng sản xuất cây quế, cây dược liệu với qui mô lớn. Cây quế được phát triển với diện tích tương đối lớn, trồng khá tập trung trên địa bàn một số huyện trong tỉnh cho chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế cao. Do phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, lại dễ trồng, dễ chăm sóc nên cây quế sinh trưởng, phát triển rất tốt và có hàm lượng tinh dầu cao. Thực tế cho thấy, khi cây quế khoảng 15 tuổi, 1 ha quế đã cho người dân thu nhập từ 450-550 triệu đồng, cao gấp khoảng 4 lần so với cây keo, gấp khoảng 5,5 lần so với cây mỡ tại địa phương [1]. Tuy nhiên, người dân trên địa bàn các huyện của tỉnh Thái Nguyên vẫn chưa mặn mà với cây quế mặc dù trong những năm gần đây, về khâu sản xuất và chế biến đã được tỉnh quan tâm đầu tư, có nhiều hộ giàu lên từ trồng, chế biến và tiêu thụ quế.

Thực tế cho thấy rằng có nhiều nguyên nhân dẫn tới sự khó khăn trong phát triển của ngành hàng quế hiện nay ở tỉnh Thái Nguyên, trong đó có yếu tố khó khăn trong liên kết để tiêu thụ sản phẩm quế là quan trọng nhất. Nhiều nhà nghiên cứu đã định nghĩa rằng liên kết có nghĩa là kết hợp, hòa hợp, hội nhập, hợp nhất, liên kết trong chuỗi giá trị là quan hệ liên kết kinh tế. Liên kết kinh tế là hình thức hợp tác và phối hợp thường xuyên các hoạt động do các đơn vị tự nguyện tiến hành để cùng đề ra và thực hiện các chủ trương, biện pháp có liên quan đến công việc sản xuất kinh doanh phát triển theo hướng có lợi nhất. Liên kết được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi thông qua hợp đồng kinh tế ký kết giữa các bên tham gia và trong khuôn khổ pháp luật của nhà nước [2]-[4]. Liên kết giữa doanh nghiệp và người sản xuất nông sản là hai khâu tiếp nối nhau trong quá trình sản xuất và chế biến. Người sản xuất nông sản có nhiệm vụ sản xuất đủ số lượng và chất lượng theo yêu cầu của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp tiêu thụ các sản phẩm do người sản xuất làm ra, bán lại hoặc tiếp tục sản xuất, chế biến (tạo thêm giá trị gia tăng) để làm ra các sản phẩm cuối cùng phục vụ cho tiêu dùng [5]-[8]. Thực vậy, giá của sản phẩm quế được quyết định từ phía các thương nhân, có một sợi dây vô hình đã liên kết các thương nhân với nhau nên họ kiểm soát hoàn toàn giá cả sản phẩm quế. Người dân (người sản xuất) hoàn toàn bị động trong việc quyết định giá cả của sản phẩm do mình làm ra.

Đối với mọi doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thì lợi nhuận là mục tiêu hàng đầu. Mà lợi nhuận chỉ có được sau khi tiêu thụ sản phẩm [2], [9]. Vì vậy, tiêu thụ sản phẩm chính là mục tiêu trước mắt của doanh nghiệp và tiêu thụ sản phẩm là phương tiện để đạt mục đích của doanh nghiệp. Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng, tiêu thụ sản phẩm là một khâu mang tính quyết định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, một bộ phận cấu thành của hệ thống tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thực hiện chức năng chuyển hoá hình thái giá trị của sản phẩm hàng hoá từ hàng sang tiền của tổ chức đó. Tiêu thụ sản phẩm theo góc độ này bao gồm nhiều khâu có mối quan hệ chặt chẽ với nhau như nghiên cứu thị trường, xác định nhu cầu của khách hàng, thực hiện đơn hàng và tổ chức sản xuất [10], [11]. Hiện nay, thị trường tiêu thụ sản phẩm quế của Thái Nguyên khá ổn định do doanh nghiệp cam kết thu mua sản phẩm từ quế, song sản lượng quế vẫn chưa đáp ứng đủ số lượng yêu cầu của doanh nghiệp.

Trước những bất cập tồn tại trong liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm quế, thì việc phân tích rõ thực trạng và tìm ra giải pháp để nâng cao thu nhập cho hộ trồng quế và nâng cao giá trị ngành hàng đối với sản phẩm quế ở tỉnh Thái Nguyên là rất cần thiết.

2. Phương pháp nghiên cứu

* Phương pháp điều tra:

Số liệu thứ cấp được thu thập từ các tài liệu, báo cáo về tình hình sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế của các huyện, thành trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, niên giám thống kê và kế thừa kết quả của các nghiên cứu trước đây.

Số liệu điều tra sơ cấp được thu thập theo phương pháp điều tra phỏng vấn bằng bộ câu hỏi. Phương pháp chọn mẫu sử dụng công thức chọn mẫu của Slovin, tổng đã chọn được 160 hộ ngẫu nhiên từ các hộ trồng quế tại huyện Định Hóa và Võ Nhai và chọn 10 cơ sở thu gom, doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ quế trên địa bàn tỉnh để phỏng vấn.

Phương pháp PRA: Phỏng vấn người cung cấp thông tin chủ yếu, cán bộ chuyên môn, thảo luận nhóm với đại diện các hộ trồng quế, cơ sở thu gom, các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ quế trên địa bàn.

Phương pháp chuyên gia: Thảo luận trực tiếp với lãnh đạo địa phương và những chuyên gia có kinh nghiệm về sản xuất, chế biến và tiêu thụ quế.

*** Phương pháp phân tích**

Phương pháp thống kê mô tả: Sử dụng để hệ thống hoá và phân tích các số liệu thu thập được từ điều tra. Tìm ra các mối quan hệ lẫn nhau của các tác nhân trong chuỗi liên kết tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế.

Phương pháp thống kê so sánh: Sử dụng để phân tích thực trạng sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Tình hình sản xuất và hiệu quả kinh tế cây quế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên là tỉnh trung du miền núi Bắc Bộ, địa hình ít bị chia cắt hơn so với các tỉnh miền núi khác trong vùng, có hệ thống giao thông thuận lợi kết nối với thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong khu vực. Tỉnh Thái Nguyên có diện tích đất lâm nghiệp chiếm trên 53% diện tích đất tự nhiên có nhiều điều kiện để phát triển cây quế. Diện tích cây quế đã có sự phát triển nhanh trong giai đoạn 2016-2021. Diện tích trồng quế toàn tỉnh vào năm 2020 là 2.756 ha, đến tháng 9/ 2022 diện tích trồng quế toàn tỉnh đã tăng lên đến 3.500 ha, trong đó trồng tập trung chủ yếu ở huyện Định Hóa (3.200 ha). Tuy nhiên, một số diện tích có điều kiện thuận lợi để trồng quế đã quy hoạch vào diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ nên việc phát triển sản xuất cây quế còn gặp nhiều khó khăn.

- Hiệu quả kinh tế của hộ nông dân trồng quế:

Chi phí đầu tư cho 1 ha quế: Các khoản chi phí về giống, phân bón, công trồng, chăm sóc, cắt tỉa được xác định dựa trên định mức kinh tế kỹ thuật trồng quế, định mức công thực tế áp dụng tại địa phương và kết quả khảo sát, phỏng vấn của nhóm nghiên cứu. Kết quả cho thấy, giá trị hiện tại của các khoản chi phí phát sinh trong chu kỳ 15 năm của cây quế là 32.120.000 đồng.

Thu nhập từ quế của hộ nông dân: Sản phẩm chính từ cây quế gồm có vỏ quế tươi, cành lá quế, và gỗ quế. Từ năm thứ 4 trở đi, đã có thể tỉa thưa cành lá quế, từ năm thứ 10 trở đi, có thể thực hiện khai thác dần. Kết quả tính toán cho thấy, đến năm 2021, giá trị hiện tại của các khoản thu nhập từ cây quế trong kỳ 15 năm đạt giá trị bình quân là 920.800.000 đồng/ha. Trong đó, thu nhập từ gỗ quế là 334.060.000 đồng, vỏ quế tươi là 386.150.000 đồng, cành lá quế là 200.590.000 đồng.

3.2. Liên kết tiêu thụ sản phẩm quế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Việc tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên chủ yếu theo 3 kênh chính được thể hiện trong hình 1.

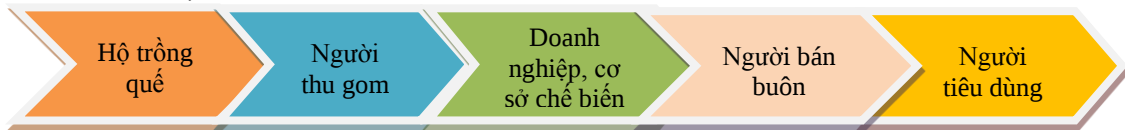
Kênh 1: Hộ trồng quế bán sản phẩm cho thương lái thu gom rồi thương lái bán lại cho doanh nghiệp, cơ sở chế biến; từ đây, sản phẩm được phân phối cho người bán buôn trên địa bàn tỉnh, hoặc phân phối cho người bán buôn ở tỉnh khác để cuối cùng đều bán cho người tiêu dùng.

Kênh 2: Hộ trồng quế bán sản phẩm trực tiếp cho doanh nghiệp, cơ sở chế biến; từ đây sản phẩm được phân phối cho người bán buôn/bán lẻ trong nước, cuối cùng đều bán cho người tiêu dùng.

Kênh 3: Hộ trồng quế bán sản phẩm thông qua thương lái, hoặc bán trực tiếp cho doanh nghiệp, cơ sở chế biến; từ đây sản phẩm được phân phối cho người bán buôn ở nước ngoài.

Các sản phẩm từ cây quế của hộ nông dân trồng quế gồm: vỏ quế; lá, cành quế và gỗ quế; trong đó sản phẩm vỏ quế là sản phẩm chính. Việc tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế của hộ nông dân được thực hiện chủ yếu qua hai kênh chính là một phần qua cơ sở thu gom, một phần được thu mua trực tiếp từ doanh nghiệp.

Kênh tiêu thụ 1:



Kênh tiêu thụ 2:



Kênh tiêu thụ 3:



Hình 1. Kênh tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế của hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Nguồn: Phân tích từ số liệu điều tra của tác giả)

- **Liên kết giữa hộ nông dân trồng quế và cơ sở thu gom**

Theo kết quả điều tra, mỗi liên kết giữa hộ nông dân trồng quế và cơ sở thu gom là yếu, chưa chặt chẽ do không có hỗ trợ trong quá trình sản xuất, kinh doanh giữa hai tác nhân này và chưa có cơ chế ràng buộc rõ ràng giữa hộ nông dân trồng quế với cơ sở thu mua trong việc thực hiện cam kết thu mua, bán sản phẩm quế theo mức giá đã thỏa thuận trước, hay đảm bảo cho việc thu mua ổn định. Người nông dân xác định giá bán sản phẩm quế dựa trên cơ sở về giá từ những nguồn thông tin sau: Nguồn thông tin từ các thương lái, cơ sở thu gom (61,2%), nguồn thông tin về giá từ các hộ nông dân khác (53,2%), phương tiện truyền thông, mạng internet (29,6%) và từ cơ sở chế biến (16%). Dựa trên cơ sở thông tin này, hộ nông dân thương lượng về giá bán với thương lái, cơ sở thu mua. Do khả năng tiếp cận thông tin về giá nhanh chóng, nên hộ nông dân có được vị thế thương lượng về giá, nhưng cơ sở thu mua vẫn chiếm ưu thế trong việc áp đặt giá. Số liệu Bảng 1 cho thấy, chỉ có 30% số hộ điều tra có sự liên kết với các cơ sở thu gom. Lý do nông dân bán sản phẩm quế cho những người thu gom này chủ yếu là vì có giá mua hợp lý (91,7% số hộ), thanh toán tiền ngay (81,7% số hộ), và tiêu chuẩn sản phẩm dễ dàng (75%) và mối quan hệ quen biết (75%). Hình thức liên kết chủ yếu thông qua giao kết dưới hình thức thỏa thuận miệng.

Bảng 1. Liên kết giữa hộ nông dân trồng quế với cơ sở thu gom và doanh nghiệp, cơ sở chế biến

	Cơ sở thu gom		DN, cơ sở chế biến	
	SL hộ	%	SL hộ	%
Hộ nông dân trồng quế	36	30	84	70

(Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả năm 2021)

- **Liên kết giữa hộ nông dân trồng quế và doanh nghiệp, cơ sở chế biến**

Kết quả điều tra cho thấy, tại tỉnh Thái Nguyên, giá thu mua sản phẩm vỏ quế tươi đầu năm 2021 dao động từ 20.000 - 25.000 đồng/kg, thấp hơn 200 - 300 đồng/kg so với năm 2020. Đến cuối 2021 giá vỏ quế tươi 25.000 - 30.000 đồng/kg, tăng 5.000 đồng/kg so với đầu năm 2021. Cành và lá quế trước đây hộ nông dân trồng quế phải bỏ đi, nay được cơ sở chế biến tinh dầu quế thu mua để chế biến tinh dầu quế với mức giá bình quân 1.500 đồng/kg - 2.500 đồng/kg, đem lại nguồn thu đáng kể cho hộ nông dân trồng quế. Gỗ quế sau khi bóc vỏ cũng bán được 2 triệu đồng cho tới 2,8 triệu đồng/m³ tùy vào đường kính cây gỗ. Mặc dù, giá của sản phẩm quế đã có sự gia tăng rất nhiều so với trước đây, tuy nhiên giá sản phẩm quế thường xuyên có sự biến động và không ổn định. Bên cạnh đó, các hộ trồng quế ở Thái Nguyên tập trung chủ yếu ở huyện Định

Hóa, nơi mà Ủy ban nhân dân huyện hợp tác với công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Vũ Hoa trong việc hỗ trợ người dân đầu vào, kỹ thuật sản xuất và chế biến sản phẩm quế để đảm bảo đầu ra của sản phẩm quế ở đây, chính vì vậy, 70% số hộ được điều tra đã lựa chọn liên kết trực tiếp với cơ sở, doanh nghiệp chế biến (Bảng 1).

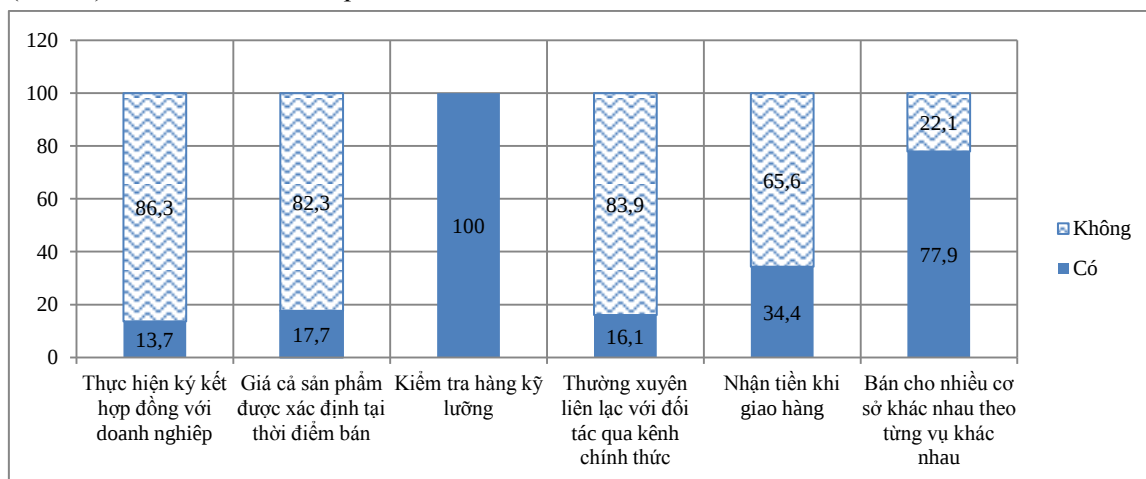
Đối với hình thức liên kết: Kết quả điều tra cho thấy các doanh nghiệp ký kết hợp đồng với các hộ nông dân chủ yếu thông qua hợp đồng bằng văn bản. Đối với các hộ sản xuất có quy mô nhỏ vì họ thiếu tư liệu sản xuất, hạn chế về thu nhập, cơ hội sản xuất, do đó làm tăng sức mạnh thương lượng, định giá cho doanh nghiệp, hộ nông dân thường là bên yếu thế. Đối với những hộ nông dân có sự đầu tư sản xuất cao sẽ có xu hướng thực hiện ký kết hợp đồng nông nghiệp với doanh nghiệp hơn vì nếu không tiếp tục thực hiện ký kết hợp đồng, họ không thể hoặc rất khó khăn thu hồi chi phí đầu tư.

- *Liên kết giữa người thu gom và doanh nghiệp, cơ sở chế biến*

Người thu gom sản phẩm quế là tác nhân trung gian của việc tiêu thụ sản phẩm quế, nhóm tác nhân này mua sản phẩm quế của người nông dân với giá thấp hơn các cơ sở chế biến, rồi đem về nhà sơ chế, phân loại hoặc mang bán quế cho các doanh nghiệp và cơ sở chế biến luôn trong ngày. Các cơ sở chế biến đều có hệ thống các cơ sở thu gom đặt tại các huyện, các xã có nhiệm vụ cung ứng yếu tố đầu vào cho mình. Những cơ sở thu gom này đều có mối quan hệ kinh doanh với cơ sở chế biến lâu năm. Quan hệ kinh tế giữa họ chủ yếu dựa trên cơ sở thương lượng thỏa thuận bằng miệng, không có hợp đồng bằng văn bản. Cơ sở thu gom thực hiện thu mua sản phẩm quế và vận chuyển sản phẩm đến cơ sở chế biến quế. Mặc dù thỏa thuận, nhưng doanh nghiệp và cơ sở chế biến là chủ thể quyết định giá cả (chiếm tới 70%).

- *Mức độ tin tưởng giữa các tác nhân trong liên kết*

Hình 2 cho thấy mức độ tin tưởng khi tương tác giữa hộ nông dân với thương lái, giữa thương lái với doanh nghiệp, cơ sở chế biến. Quá trình mua bán 100% đều được kiểm tra kỹ lưỡng sản phẩm; đại đa số (tới 77,9%) nông dân, thương lái có bán sản phẩm của mình cho nhiều cơ sở khác nhau; tuy nhiên có một tỷ lệ rất thấp (13,7%) được ký hợp đồng từ trước và tỷ lệ thấp (16,1%) liên lạc với đối tác qua kênh chính thức.



Hình 2. Mức độ tin tưởng giữa hộ nông dân với thương lái, giữa thương lái với doanh nghiệp
(Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả)

3.3. Sản phẩm và thị trường tiêu thụ sản phẩm quế Thái Nguyên

Các sản phẩm quế gồm có vỏ quế, lá quế và gỗ quế, qua quá trình chế biến của các cơ sở chế biến quế sẽ tạo thành các sản phẩm có giá trị cao.

Vỏ quế: Vỏ quế được chế biến thành vỏ quế khô sau đó sơ chế bào, gọt, thái, phân loại thành quế kẹp, quế khâu, quế chẻ... Đối với sản phẩm từ vỏ quế, 25% sản phẩm được xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ và Trung Quốc, còn lại 75% được tiêu thụ trong nước.

Lá, cành, rễ quế: Mỗi cây quế sau khi thu hoạch vỏ thì còn lại hàng chục kg lá, cành và rễ. Phần này đem đi chưng cất lấy tinh dầu. Tinh dầu quế sau khi được chưng cất dùng làm nguyên liệu đầu vào cho ngành công nghiệp, công nghiệp dược và mỹ phẩm. Trong đó tinh dầu được xuất khẩu ra nước ngoài chiếm 39%, trong nước chiếm 61%.

Gỗ quế: có thể dùng gỗ quế làm coppha xây dựng, đóng đồ mộc, làm gỗ trụ hầm mỏ, ngoài ra gỗ quế có mùi thơm nên còn dùng gỗ quế để sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ. Các sản phẩm từ gỗ quế gồm 2 nhóm sản phẩm cơ bản là quế xẻ và quế bóc. Sản lượng quế xẻ chiếm khoảng 25% và được tiêu thụ tại thị trường trong nước; Sản phẩm quế bóc chiếm khoảng 75%, đây là sản phẩm có giá trị và được xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, Đài Loan. Do đó, giá trị thu được từ sản phẩm gỗ quế là cao, tạo ra lợi nhuận lớn cho cơ sở chế biến gỗ quế.

Bảng 2. Thị trường tiêu thụ của các sản phẩm quế Thái Nguyên

Sản phẩm	Tinh dầu	Vỏ quế	(Đơn vị tính: %)
			Gỗ quế
Thị trường trong nước	61	75	25
Thị trường nước ngoài	39	25	75

(Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả)

Kết quả khảo sát tại Bảng 2 cho thấy: Tổng bình quân có 46,3% các sản phẩm từ quế được xuất khẩu sang thị trường nước ngoài, còn lại 53,7% các sản phẩm từ quế được tiêu thụ trong nước. Việc xuất khẩu quế ra nước ngoài còn chiếm tỉ lệ thấp nguyên nhân là do quế Thái Nguyên chưa có thương hiệu sản phẩm nên khó phát triển trên các thị trường lớn khác.

Sản phẩm quế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được tiêu thụ qua đầu mối là một số doanh nghiệp và hợp tác xã, điển hình là công ty TNHH Vũ Hoa. Trong năm 2021, chỉ tính riêng công ty Vũ Hoa đã thu mua và tiêu thụ được hơn 600 tấn cành, lá quế và khoảng 400 tấn vỏ quế khô tại huyện Định Hóa và một số huyện khác. Hiện công ty TNHH Vũ Hoa tại Định Hóa, Thái Nguyên đang đầu tư phát triển nhà máy chế biến tinh dầu quế theo kỹ thuật hiện đại, với mục tiêu đưa tinh dầu quế Thái Nguyên tiến vào thị trường lớn hơn, có thể trực tiếp xuất khẩu tinh dầu quế Thái Nguyên ra quốc tế mà không cần qua bất kỳ trung gian nào. Qua đó cho thấy, việc tìm đầu ra cho các sản phẩm của cây quế đã có hướng đi tích cực.

3.4. Hạn chế trong chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm quế tại Thái Nguyên

Liên kết tiêu thụ sản phẩm là phản ánh mối quan hệ giữa các chủ thể sản xuất, kinh doanh nhằm tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí, đạt hiệu quả cao hơn trong sản xuất kinh doanh nông sản, tạo ra sức mạnh cạnh tranh, cùng nhau chia sẻ các khả năng, mở ra những thị trường mới. Kết quả thảo luận nhóm với các tác nhân trong chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm quế Thái Nguyên và kết quả phỏng vấn sâu cán bộ phụ trách nông lâm nghiệp các cấp tại tỉnh Thái Nguyên cho thấy, chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm quế tại Thái Nguyên còn những hạn chế chính sau:

- Quy mô sản xuất của các hộ nông dân trồng quế còn manh mún và nhỏ lẻ. Hộ nông dân chưa nhận thức đầy đủ về những lợi ích của liên kết trong sản xuất và tiêu thụ. Nhiều hộ sản xuất còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, nên chưa tự huy động nguồn lực để đầu tư phát triển sản xuất.

- Hoạt động giao dịch phần lớn thông qua thỏa thuận miệng, phương thức ký kết hợp đồng kinh tế chưa được phổ biến, mối quan hệ liên kết lỏng lẻo, vị thế thương mại của hộ nông dân trồng quế thấp.

- Chưa hình thành được các mối liên kết ngang như mối liên kết giữa các hộ nông dân với hộ nông dân, mối liên kết giữa cơ sở thu gom với cơ sở thu gom, cơ sở chế biến với cơ sở chế biến.

- Cơ sở chế biến chưa có đủ cán bộ kỹ thuật để hướng dẫn hộ nông dân sản xuất và còn e ngại đầu tư vào sản xuất nông nghiệp là phải chịu rủi ro lớn, nên chưa mạnh dạn liên kết, hợp tác với hộ nông dân, cơ sở thu gom. Khi mất thị trường tiêu thụ sản phẩm hoặc khi giá thị trường thấp hơn giá hợp đồng còn phá vỡ hợp đồng hoặc làm khó, ép cấp, ép giá nông dân.

- Vai trò của Nhà nước, nhà khoa học còn mờ nhạt trong hỗ trợ, xây dựng hình thành chuỗi liên kết. Cơ chế, chính sách, nhất là chính sách khuyến khích phát triển sản xuất theo hợp đồng chưa đồng bộ và đủ sức gắn lợi ích của hộ nông dân với cơ sở chế biến.

4. Kết luận và giải pháp

Nghiên cứu đã đưa ra phân tích khái quát về kết quả sản xuất quế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và thực trạng mối liên kết giữa các tác nhân của chuỗi giá trị cây quế tỉnh Thái Nguyên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mối quan hệ giữa các tác nhân trong chuỗi liên kết tiêu thụ góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất cây quế cũng như tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Các sản phẩm chế biến còn thiên về sản phẩm thô, chưa gây dựng được thương hiệu mạnh trên thị trường trong nước và quốc tế. Có sự liên kết ở mức độ tương đối giữa các tác nhân, giữa tác nhân trước và sau, nhưng liên kết của toàn bộ chuỗi tiêu thụ là lỏng lẻo. Quan hệ kinh tế giữa hộ nông dân với các tác nhân trong chuỗi giá trị sản phẩm quế dựa trên cơ sở sự tin tưởng với cơ sở thu gom địa phương. Hộ nông dân trồng quế vẫn chưa sẵn sàng chuyển sang hình thức sản xuất, bán sản phẩm theo hợp đồng.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm tiêu thụ tốt sản phẩm quế của tỉnh Thái Nguyên: (1) Đẩy mạnh tuyên truyền, tập huấn khoa học công nghệ, tổ chức hội nghị để nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy, cách nghĩ và cách làm, tính kỷ luật của hộ nông dân khi tham gia mô hình sản xuất hàng hóa, nâng cao ý thức pháp luật trong thực hiện liên kết. (2) Thúc đẩy liên kết dọc với vai trò hỗ trợ, quản lý của chính quyền địa phương, tăng cường sự ràng buộc chặt chẽ hơn giữa các tác nhân thông qua cơ chế hợp đồng. (3) Cần tập trung hỗ trợ xây dựng và hình thành các tổ hợp tác thu gom, chế biến để tập hợp nhiều thành viên cùng liên kết tổ chức thu gom sản phẩm quế trong từng thôn, xã, huyện và vùng trồng quế trong tỉnh Thái Nguyên. (4) Áp dụng các giải pháp hỗ trợ như tăng cường các mặt tổ chức sản xuất, đổi mới công nghệ, định vị thị trường và sản phẩm, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] V. Q. Tran, "Building a links to consumer products from cinone in van yen district, Yen Bai province," Provincial level science and technology topic, 2017.
- [2] M. D. Nguyen and H. Y. Ngo, "Challenges in linking production along the value chain: A case study of the passion fruit value chain in Son La," *Journal of Economics and Development*, vol. 285, no. 2, pp. 112-121, 2021.
- [3] Q. H. Ho, "Factors affecting the performance of integration between enterprises and farmers," *Journal of Economics and Development*, vol. 193, pp. 46-53, 2013.
- [4] Thai Nguyen Provincial People's Committee, *Decision No. 1672/QĐ-UBND dated June 18, 2019 of approving the list of imported goods and products that need to be encouraged and prioritized to support the implementation of linkages associated with product consumption in Thai Nguyen Province*, 2019.
- [5] T. M. H. Ho, *The economic linkage between agricultural product processing enterprises and farmers in Vietnam*. National Economics University publisher, 2012.
- [6] Thai Nguyen Provincial People's Committee, *Decision No. 139/QĐ-UBND dated March 21, 2017, approving the project of developing key agricultural products in Thai Nguyen province from 2021 through 2025, with an orientation to 2030*, 2017.
- [7] H. A. Le, H. C. Truong, Q. C. Nguyen, T. T. Nguyen, V. S. Nguyen, and T. L. Chau "Research and propose policies and solutions to promote the development of cooperation and association in the production-consumption of products in cultivation, forestry and fisheries," Report on the ministerial level project - Ministry of Agriculture and Rural Development, 2017.
- [8] T. P. Nguyen and P. L. Nguyen, "The linkage between farmer households and enterprises in the production and consumption of medicinal herbs in Hai Hau district, Nam Dinh province," *Vietnam Journal of Agricultural Sciences - VJAS*, vol. 19, no. 10, pp. 1304-1312, 2021.
- [9] N. Nagaraj, G. M. Chandrakanth, P. G. Chengappa, H. S. Roopa, and M. P. Chandakavate, "Contract farming and its implications for input-supply, linkages between markets and farmers in Karnataka," *Agricultural Economics Research Review*, vol. 21, pp. 307-316, 2008.
- [10] V. H. Nguyen, H. T. Vu, T. K. Pham, and S. N. Nguyen, "Research and propose a model of linking artichoke development in ethnic minority communities in Sa Pa district in Lao Cai Province," *Pharmacology Journal*, vol. 503, pp. 43-48, 2018.
- [11] D. H. Vu, "Research on the forms of association in the consumption of agricultural products of farmers in Ninh Binh province," Doctoral thesis in economics, Vietnam Academy of Agriculture, 2015.